

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK21+P8+RC10	7:25	3+17+0	0+0+0		3+18+1	0+0+0	
2		TTC1+P6+BK4	7:25	10+12+0	0+0+0		7+14+1	0+0+0	
3		TGTH5+TGTH4+AMD	9:25	4+3+13	0+0+0		4+2+16	0+0+0	
4		P6+P10	9:25	17+0	0+0		16+6	0+0	chuyen 2 p6- p10
5		P8+P11	11:25	13+0	0+0		20+2	0+0	
6		AMD+TTC2+P1	11:25	9+5+0	0+0+0		12+7+3	0+0+0	
7		T.UNG	11:25	15	0		19	0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/2/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 0730
FLIGHT: 1	TO: BK21 - P8 - RC10	CREW: Trung - P8 - VU	ETA: 0920
xanh - 1		HTrung	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TRUNG ĐỨC	BK21	94	1	7	15	80	PSV	Vietnamese
2	BACH ANH TUÂN	BK21	95	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TRỌNG PHÚC	BK21	93	1	14		71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH TRUNG KIẾN	P8					72	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG TÙNG	P8					75	D-HANH	Vietnamese
6	PHAN THỊ HỒNG VÂN	P8					52	D-HANH	Vietnamese
7	ĐÌNH QUANG TRUNG	P8	51	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MẠNH HÙNG	P8	50	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN NHÃN	P8	40-41	2	16		75	YTE	Vietnamese
10	HUYNH CHÁNH PHÁT	P8	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	46	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUỐC HUY	P8	49	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TRUNG HẬU	P8	39	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	45	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUANG HIỂN	P8	44	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	43	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU SỸ	P8	47	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ANH TRI	P8	36-37	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC TIẾN	P8	38	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ CHÊ LINH	P8	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	3	3	29	218	15	3		1 NOI LO: NGUYEN DUC HANH TRUNG (PC)
2	P8	17	16	107	1.189	0	18		
3	RC10	0	0	0	0	80	1		
TOTAL		20	19	136	1.407	95	22		
WEIGHT KG				136	1.407	95			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2023	TO: TTC1 - P6 - BK4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Chien - N. Anh - Hieu	ETA: 09:25
CAM - 1		Son	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC THANH	TTC1	65	1	7		84	PSV	Vietnamese
2	VAN MINH TAN	TTC1	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	VU THANH DO	TTC1	61-62	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TRUNG THUY	TTC1	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	63-64	2	16		90	KH-THAC	Vietnamese
6	NINH QUOC HOI	TTC1	55	1	14		83	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DOAN DOAN	TTC1	57-58	2	18	15	62	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN BA DIEN	TTC1	53	1	13	14	80	XAYLAP	Vietnamese
9	LE XUAN TUNG	TTC1	51-52	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN KIM	TTC1	56	1	12		59	XAYLAP	Vietnamese
11	LUU THE ANH	P6	22-23	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO DUY KHIEM	P6	10-11	2	10		69	YTE	Vietnamese
13	VU VAN THU	P6	15-16	2	14		63	PSV	Vietnamese
14	VUC VAN CHUYEN	P6	17	1	8		71	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN DUY CANH	P6	14	1	5		55	PSV	Vietnamese
16	VU HOANG QUAN	P6	13	1	4		55	PSV	Vietnamese
17	PHAM VAN DOA	P6	20-21	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TUAN	P6	18	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI M. KHANH CUONG	P6	24-25	2	19		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LAM VAN KHUONG	P6	09	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	CAO MINH HOANG	P6	12	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN HUY THONG	P6	19	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	10	14	120	725	29	7		PILOT: PHAM THAI SON
2	P6	12	17	100	816	0	14		
3	BK4	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	31	220	1.541	29	22		
WEIGHT KG				220	1.541	29			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2023	TO: TGTH5 - TGTH4 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 0956
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Tiaeng - D Nam - Vu	ETA: 1115
xanh - 2		H Tiaeng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN MINH KIEN	TGTH5	28	1	8		70	HLJOC	Vietnamese
2	BUI VAN HUONG	TGTH5	25	1	5	20	80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM ANH ĐỨC	TGTH5	24	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUNG HIU	TGTH5	26-27	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU NGOC DUONG	TGTH4	63-64	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VINH QUANG	TGTH4	58-59	2	8	60	67	KH-THAC	Vietnamese
7	VI TRAN TAN THUAN	TGTH4	61-62	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
8	GARY FEARN	AMD	74	1	12		80	BAB	British
9	PHAM VAN AN	AMD	69-70	2	12		70	HLJOC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN AN	AMD	75	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI MINH KHA	AMD	77	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	80	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC THU	AMD	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN QUYET	AMD	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE ĐỨC TÂM	AMD	79	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DINH HIU	AMD	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SON	AMD	72	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI TRAN LIEM	AMD	73	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HONG LINH	AMD	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TANG XUAN HAI	AMD	68	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	4	5	36	290	20	4		1 NB NGUYEN DUC HANH TRUNG(PILOT)
2	TGTH4	3	6	33	197	60	2		
3	AMD	13	14	81	895	0	16		
TOTAL		20	25	150	1.382	80	22		
WEIGHT KG				150	1.382	80			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/2/2023	TO: P6-P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VTU	CREW: Hồng M. Thao, Hiếu N. Cường	ETA: 11:45
CAN - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG PHÁT	P6	41-42	2	13	25	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHU	P6	39	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
3	VU HUNG TUAN	P6	38	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUY HUNG	P6	33	1	14		62	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUANG HUNG	P6	29-30	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DINH SY	P6	46-47	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH HOAI NAM	P6				16	85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO VAN SANG	P6	48	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUY HOANG	P6	28	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
10	VU ĐỨC DUNG	P6	32	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM NGOC AN	P6	34	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRỌNG BACH	P6	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC THẮNG	P6	27	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THIN	P6	31	1	16		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC HONG	P6	35	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P6	36-37	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TAN PHONG	P6	26	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	17	20	144	1.241	41	16	2	CHUYEN 2 PAX P6-P10
2	P10	0	0	0	0	50	6		
TOTAL		17	20	144	1.241	91	22		NB. Như Cường <PC>
WEIGHT KG				144	1.241	91			

GRAND TOAL: 1.476 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	TO: P8 - P11	CREW: TTrung - ĐNam - Vũ - M.Đức	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	54	1	3	80	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HAI	P8	56	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH VINH	P8	64	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN LỢI	P8	55	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	52	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH HOÀNG	P8	66	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TRUNG	P8	53	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ XUÂN THÀNH	P8					75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CHÂU NAM	P8	63	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUẤN	P8	57	1	9		74	XAYLAP	Vietnamese
12	VUÔNG MAI	P8	58-60	3	20		65	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ANH CUÔNG	P8	61	1	10	15	82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	13	14	89	940	95	20		1 NOI BO: NGUYEN MINH DUC (PC)
2	P11	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		13	14	89	940	135	22		
WEIGHT KG				89	940	135			

GRAND TOAL: 1.164 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	TO: AMD - TTC2 - P1	CREW: HUNG - MTHAO - HIẾU	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	83	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	85	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG THAI	AMD	91	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG HỒ NGHĨA	AMD	89-90	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	86-87	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG VĂN BA	AMD	84	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	AMD	82	1	3		73	PSV	Vietnamese
8	ĐÌNH CÔNG HOÀNG	AMD	88	1	8	45	58	PSV	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	92	1	3		59	PSV	Vietnamese
10	HOÀNG QUỐC BẢO	TTC2					73	KH-THAC	Vietnamese
11	TẠ MANH HUNG	TTC2				25	63	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	17	1	8		53	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN MINH	TTC2	15	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	16	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	11	64	629	45	12		
2	TTC2	5	3	21	341	25	7		
3	P1	0	0	0	0	30	3		
TOTAL		14	14	85	970	100	22		
WEIGHT KG				85	970	100			

GRAND TOAL: 1.155 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:15
FLIGHT: 7	TO: T.UNG	CREW: ATUẤN - TRUỞNG	ETA: 14:25
VANG-3			

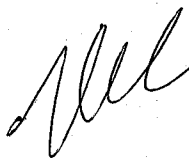
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG KIẾN	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	20	1	5	55	64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VŨ QUYỀN	T.UNG	31	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	23	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	24	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG HOÀNG ANH	T.UNG	18	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	26	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	29	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	27	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	25	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	21	1	3		64	PSV	Vietnamese
17	HO VAN TINH	T.UNG	16	1	5		53	PSV	Vietnamese
18	DOAN DUC TUY	T.UNG	28	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

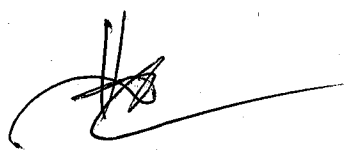
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	16	83	1.240	55	19		
	TOTAL	18	16	83	1.240	55	19		
	WEIGHT KG			83	1.240	55			

GRAND TOAL: 1.378 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

